TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ–ST
Ngày: 18-9-2017
V/v " Ly hôn giữa
chị N và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuý Uyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Nhàn
2. Ông Phạm Hồng Vũ

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân – Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 80/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đỗ Thuý N,** sinh năm 1989 *(Có mặt)*; Nơi cư trú: A/B/C Đ, phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1986 *(Vắng mặt)*; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, lời khai trong qua trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Đỗ Thuý N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T do quen biết, tìm hiểu nhau rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M vào ngày

26-8-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo chí thú làm ăn, không biết chăm lo cho gia đình vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không sửa đổi. Anh chị đã ly thân được 02 năm. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có gặp gỡ để bàn bạc hàn gắn đoàn tụ. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nên yêu cầu Toà giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T có một con chung là Nguyễn Đỗ Trà M, sinh ngày 17/6/2014. Hiện nay cháu M đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nên không có lời trình bày.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời đểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thúy Ng đối với anh Nguyễn Văn T, chị N trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Đỗ Trà M, sinh ngày 17-6-2014, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình cụ thể là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét về hôn nhân của chị N và anh T: chị N và anh T do quen biết, tìm hiểu nhau rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M vào ngày 26-8-2013. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị N cho rằng anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo chí thú làm ăn, không biết chăm sóc gia đình, vợ con. Nay chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống với anh T được nữa nên xin ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa hôm nay chị N vẫn kiên quyết giữ nguyên quan điểm yêu cầu được ly hôn. Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến Toà tham gia phiên hoà giải để tìm cách động viên, hàn gắn cho anh, chị đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không lý do. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không gặp gỡ bàn bạc hàn gắn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn xảy ra. Tại biên bản xác minh ngày 10-8-2017 bà Nguyễn Thị P là mẹ anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là có thật. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, hai bên không có ý muốn hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[2.2] Xét về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh T có một con chung là Nguyễn Đỗ Trà M, sinh ngày 17-6-2014. Thấy rằng hiện nay cháu M đang sống chung với chị N nếu thay đổi môi trường sống sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển tâm sinh lý của cháu. Do đó, tiếp tục giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, đây là ý chí tự nguyện của chị N nên cần ghi nhận. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N là phù hợp.

[2.3] Xét về tài sản chung và nợ chung: chị N xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[2.4] Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thuý N đối với anh Nguyễn Văn T.

Chị Đỗ Thuý N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: chị N trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Đỗ Trà M, sinh ngày 17-6-2014, ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị N phải nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007936 ngày 26-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết công khai bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người đó cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thuý Uyên